

**PHỤ LỤC***Kèm theo Quyết định số 936/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2026)**ĐVT: triệu đồng*

ST T	TÊN ĐỊA PHƯƠNG	Kinh phí	Nguồn kinh phí thực hiện		Ghi chú
			Nguồn CCTL cấp xã theo kết luận của KTNN tại Công văn số 132/KTNN-TH	Nguồn CCTL của tỉnh	
	Tổng cộng	416.393,41	28.457,39	387.936,02	
1	Xã Tịnh Khê	4.510,87		4.510,87	
2	Xã An Phú	5.506,29		5.506,29	
3	Xã Nguyễn Nghiêm	1.937,19		1.937,19	
4	Xã Khánh Cường	2.367,72		2.367,72	
5	Xã Bình Minh	3.262,46		3.262,46	
6	Xã Bình Chương	2.327,49		2.327,49	
7	Xã Bình Sơn	10.903,46	1.984,26	8.919,20	
8	Xã Vạn Tường	5.554,56		5.554,56	
9	Xã Đông Sơn	5.178,71		5.178,71	
10	Xã Trường Giang	2.821,58		2.821,58	
11	Xã Ba Gia	3.032,03		3.032,03	
12	Xã Sơn Tịnh	4.069,42	3.899,70	169,72	
13	Xã Thọ Phong	3.124,95		3.124,95	
14	Xã Tư Nghĩa	6.202,84	2.561,26	3.641,58	
15	Xã Vệ Giang	3.784,73	1.640,13	2.144,60	
16	Xã Nghĩa Giang	3.614,47		3.614,47	
17	Xã Trà Giang	2.951,75		2.951,75	
18	Xã Nghĩa Hành	3.383,25		3.383,25	
19	Xã Đình Cương	4.388,95		4.388,95	
20	Xã Thiện Tín	2.636,10		2.636,10	
21	Xã Phước Giang	3.038,19		3.038,19	
22	Xã Long Phụng	4.548,89		4.548,89	
23	Xã Mô Cày	4.278,20		4.278,20	
24	Xã Mộ Đức	3.953,37		3.953,37	
25	Xã Lân Phong	3.205,20		3.205,20	
26	Xã Trà Bồng	8.921,85	2.077,79	6.844,06	
27	Xã Đông Trà Bồng	4.587,78		4.587,78	
28	Xã Tây Trà	4.461,12		4.461,12	
29	Xã Thanh Bồng	3.812,21		3.812,21	
30	Xã Cà Đam	2.593,17		2.593,17	

ST T	TÊN ĐỊA PHƯƠNG	Kinh phí	Nguồn kinh phí thực hiện		Ghi chú
			Nguồn CCTL cấp xã theo kết luận của KTNN tại Công văn số 132/KTNN-TH	Nguồn CCTL của tỉnh	
31	Xã Tây Trà Bồng	4.162,45		4.162,45	
32	Xã Sơn Hạ	4.673,35		4.673,35	
33	Xã Sơn Linh	3.918,26		3.918,26	
34	Xã Sơn Hà	4.985,58		4.985,58	
35	Xã Sơn Thủy	3.723,99		3.723,99	
36	Xã Sơn Kỳ	2.779,08		2.779,08	
37	Xã Sơn Tây	4.170,76		4.170,76	
38	Xã Sơn Tây Thượng	3.363,51		3.363,51	
39	Xã Sơn Tây Hạ	3.223,45		3.223,45	
40	Xã Minh Long	3.517,29	1.420,60	2.096,69	
41	Xã Sơn Mai	2.593,92		2.593,92	
42	Xã Ba Vì	2.442,79		2.442,79	
43	Xã Ba Tô	4.461,85		4.461,85	
44	Xã Ba Đình	2.919,60		2.919,60	
45	Xã Ba Tơ	3.669,47		3.669,47	
46	Xã Ba Vinh	2.211,89		2.211,89	
47	Xã Ba Động	3.759,05		3.759,05	
48	Xã Ba Xá	2.070,31		2.070,31	
49	Xã Đặng Thùy Trâm	2.306,79		2.306,79	
50	Phường Trương Quang Trọng	6.387,11		6.387,11	
51	Phường Cẩm Thành	5.982,37		5.982,37	
52	Phường Nghĩa Lộ	8.656,47		8.656,47	
53	Phường Trà Câu	4.076,65		4.076,65	
54	Phường Đức Phổ	4.815,65	1.903,40	2.912,25	bao gồm 483,84 triệu đồng nguồn CCTL còn lại tại xã
55	Phường Sa Huỳnh	2.670,56		2.670,56	
56	Đặc khu Lý Sơn	5.491,27		5.491,27	
57	Xã Ngọc Bay	6.142,08		6.142,08	

ST T	TÊN ĐỊA PHƯƠNG	Kinh phí	Nguồn kinh phí thực hiện		Ghi chú
			Nguồn CCTL cấp xã theo kết luận của KTNN tại Công văn số 132/KTNN-TH	Nguồn CCTL của tỉnh	
58	Xã Ia Chim	3.982,02		3.982,02	
59	Xã Đăk Rơ Wa	7.758,63		7.758,63	
60	Xã Đăk Pxi	5.188,51		5.188,51	
61	Xã Đăk Mar	4.960,17		4.960,17	
62	Xã Đăk Ui	3.393,99		3.393,99	
63	Xã Ngọc Réo	5.498,06		5.498,06	
64	Xã Đăk Hà	6.653,44	1.766,00	4.887,44	
65	Xã Ngọc Tụ	5.392,51		5.392,51	
66	Xã Đăk Tô	9.871,77	2.407,00	7.464,77	
67	Xã Kon Đào	4.769,05		4.769,05	
68	Xã Đăk Sao	3.212,88		3.212,88	
69	Xã Đăk Tờ Kan	4.337,97		4.337,97	
70	Xã Tu Mơ Rông	4.066,70		4.066,70	
71	Xã Măng Ri	4.521,39		4.521,39	
72	Xã Bờ Y	9.828,84	2.034,06	7.794,78	
73	Xã Sa Loong	5.268,07		5.268,07	
74	Xã Dục Nông	5.461,33		5.461,33	
75	Xã Xốp	2.673,81		2.673,81	
76	Xã Ngọc Linh	2.866,38		2.866,38	
77	Xã Đăk Plô	2.735,33		2.735,33	
78	Xã Đăk Pék	4.884,23		4.884,23	
79	Xã Đăk Môn	4.300,11		4.300,11	
80	Xã Sa Thầy	4.476,67		4.476,67	
81	Xã Sa Bình	4.954,38		4.954,38	
82	Xã Ya Ly	3.748,11		3.748,11	
83	Xã Ia Toi	2.968,54		2.968,54	
84	Xã Đăk Kôi	3.425,01		3.425,01	
85	Xã Kon Braih	5.822,18		5.822,18	
86	Xã Đăk Rve	3.571,03		3.571,03	
87	Xã Măng Đen	4.445,63	793,00	3.652,63	
88	Xã Măng Bút	4.963,50		4.963,50	
89	Xã Kon Plông	3.493,76		3.493,76	

ST T	TÊN ĐỊA PHƯƠNG	Kinh phí	Nguồn kinh phí thực hiện		Ghi chú
			Nguồn CCTL cấp xã theo kết luận của KTNN tại Công văn số 132/KTNN-TH	Nguồn CCTL của tỉnh	
90	Phường Kon Tum	8.877,67	3.984,20	4.893,47	
91	Phường Đắk Cấm	4.737,25	1.986,00	2.751,25	
92	Phường Đắk Bla	3.692,32		3.692,32	
93	Xã Đắk Long	3.772,68		3.772,68	
94	Xã Rờ Koi	2.338,65		2.338,65	
95	Xã Mô Rai	3.406,30		3.406,30	
96	Xã Ia Đal	1.940,16		1.940,16	